

Số: 11 /2021/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn và sử dụng xe ô tô cứu thương;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14/5/2020 của Bộ Y tế quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 216-TB/TU ngày 09/4/2021 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố;

Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND Thành phố tại Công văn số 121/HĐND-KTNS ngày 31/5/2021 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;



11

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại các Văn bản: số 5527/TTr-STC ngày 28/8/2020, số 7472/TTr-STC ngày 18/11/2020, số 1598/STC-QLCS ngày 22/3/2021, số 2493/TTr-STC ngày 28/4/2021, số 3292/STC-QLCS ngày 01/6/2021, số 4361/TTr-STC ngày 12/7/2021 và số 4396/STC-QLCS ngày 13/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh.

a) Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế quy định tại khoản 1 và các loại xe ô tô chuyên dùng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

b) Xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của địa phương quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm Văn phòng Thành ủy Hà Nội, các Ban Đảng và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Thành ủy Hà Nội), tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

1. Đối tượng sử dụng, số lượng, chủng loại xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

2. Mức giá xe ô tô chuyên dùng:

a) Mức giá mua xe ô tô chuyên dùng được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này. Giá mua xe ô tô là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức.

b) Khi thực hiện mua sắm, các cơ quan, đơn vị phải căn cứ vào đặc điểm, đặc tính kỹ thuật, chủng loại, nhãn hiệu, kết cấu có liên quan và giá thị trường tại thời điểm mua sắm, thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp theo quy định pháp luật về đấu thầu, đảm bảo giá mua không vượt quá giá mua tối đa do UBND Thành phố quy định tại Quyết định này.

c) Trường hợp mức giá mua xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm cao.

hơn so với mức giá tối đa do UBND Thành phố ban hành, Sở Tài chính sẽ tham mưu báo cáo UBND Thành phố (sau khi lấy ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố) xem xét điều chỉnh cho phù hợp, kịp thời.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch mua sắm, điều chuyển xe ô tô chuyên dùng.

2. Việc quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng phải được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định này phải đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức, quy định của pháp luật về mua sắm tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Ưu tiên mua xe ô tô chuyên dùng được lắp ráp trong nước, chỉ mua xe nhập khẩu khi xe lắp ráp trong nước không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của xe chuyên dùng.

4. Nguồn kinh phí mua xe: Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng được bố trí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị trực thuộc Thành phố, Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã.

a) Quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng theo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

b) Lập phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND Thành phố phê duyệt theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Lập hồ sơ thanh lý xe ô tô chuyên dùng đủ điều kiện thanh lý gửi Sở Tài chính ban hành Quyết định thanh lý theo thẩm quyền, làm cơ sở tổ chức thực hiện thanh lý theo đúng quy định pháp luật.

d) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc kiến nghị đề xuất, kịp thời phản ánh Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo.

2. Sở Tài chính.

a) Kiểm tra và hướng dẫn việc chấp hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì cùng các cơ quan, đơn vị rà soát, tổng hợp, tham mưu UBND Thành phố phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo đúng quy định pháp luật.

c) Tham mưu UBND Thành phố tổ chức thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô chuyên dùng được UBND Thành phố phê duyệt (điều chuyển; bán đấu giá và các hình thức xử lý khác theo quy định pháp luật thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố đối với xe ô tô chuyên dùng), hoàn thành chậm nhất 06 tháng kể từ ngày UBND Thành phố quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của Thành phố quy định tại khoản 7 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP.

d) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng, báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo.

3. Sở Nội vụ.

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc bố trí, sắp xếp công việc, giải quyết chế độ, chính sách đối với các lái xe; báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

4. Kho bạc Nhà nước Hà Nội:

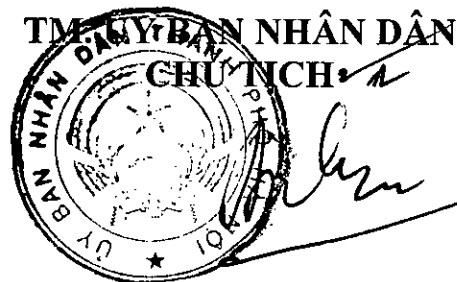
Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng kèm theo Quyết định này, thực hiện kiểm soát chi đối với các nội dung liên quan đến mua sắm, sửa chữa, thanh lý, nhượng bán và các hình thức xử lý khác đối với xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01. tháng 8. năm 2021. Bãi bỏ Quyết định số 7071/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội quy định tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị trực thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Handwritten signature*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KT_(Hành) *Handwritten initials*



Chu Ngọc Anh

Phụ lục 01: Đối tượng, chủng loại, số lượng xe ô tô chuyên dùng
(Kèm theo Quyết định số **M** /2021/QĐ-UBND ngày **21/7/2021** của UBND Thành phố)

TT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
I	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế			
1.	Bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh	Xe cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	+ Dưới 50 giường bệnh: 01 xe. + Từ 50 giường bệnh đến dưới 100 giường bệnh: 02 xe. + Từ 100 giường bệnh đến dưới 200 giường: 03 xe. + Từ 200 giường bệnh đến dưới 300 giường: 04 xe. + Từ 300 giường bệnh trở lên, nếu tăng thêm 150 giường bệnh thì định mức được thêm 01 xe.	
2.	Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố	Xe cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	50 xe	
3.	Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã	Xe cứu thương (đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BYT ngày 28/6/2017 của Bộ Y tế)	01 xe/đơn vị	
		Xe bán tải	02 xe/đơn vị	
4.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố.	Xe 12-16 chỗ ngồi vận chuyên người bệnh	04 xe	
		Xe bán tải chở máy phun và hóa chất lưu động	03 xe	
5.	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu găm cao phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy	01 xe	

TT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
		quản lý		
6.	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Xe xét nghiệm, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm lưu động	05 xe	
		Xe bán tải vận chuyển mẫu thực phẩm	01 xe	
7.	Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Sở Y tế (Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình; Trung tâm Giám định y khoa; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội; Trung tâm Pháp y Hà Nội)	Xe bán tải hoặc xe 12-16 chỗ ngồi có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế	01 xe/đơn vị	
8.	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Các Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật; Các Trung tâm chăm sóc và Nuôi dưỡng người tâm thần; Các cơ sở cai nghiện ma túy; Trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội; Các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công)	Xe 12-16 chỗ ngồi có gắn hoặc sử dụng thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động y tế	01 xe/đơn vị	
II	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt; xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng, xe được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật; xe tải; xe bán tải và xe trên 16 chỗ ngồi quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 17 Nghị định số 04/2019/NĐ-CP			
II.1	Nhóm xe ô tô có kết cấu đặc biệt (Khoản 2 Điều 17)			
1	Trung tâm phát triển quỹ đất (Sở Tài nguyên và Môi trường)	Xe chở tiền	01 xe	
II.2	Nhóm xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (Khoản 3 Điều 17)			
1	Ban phục vụ lễ tang Hà Nội	Xe phục vụ lễ tang	Tối đa 100 xe	
	Trong đó:	Xe tang	48 xe	
		Xe 16 -45 chỗ ngồi	41 xe	
		Xe chở cốt, xe tải lạnh bảo quản thi hài, xe gắn tượng Phật phục vụ tang lễ	11 xe	
2	Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính Hà Nội	Xe tập lái	Tối đa 35 xe	
	Trong đó:	Xe 05 chỗ ngồi	26 xe	
		Xe trên 16 chỗ ngồi	04 xe	
		Xe tải	05 xe	
3	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Xe bán tải, xe tải gắn cần cẩu, xe cứu hộ giao thông, xe gắn thiết bị cân tải trọng, xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gầm cao phục vụ	Tối đa 58 xe	

TT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
		thanh tra giao thông		
	<i>Trong đó:</i>	<i>Xe bán tải</i>	<i>42 xe</i>	
		<i>Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gập cao</i>	<i>01 xe</i>	
		<i>Xe tải gắn cân cầu</i>	<i>09 xe</i>	
		<i>Xe cứu hộ giao thông</i>	<i>05 xe</i>	
		<i>Xe gắn thiết bị cân tải trọng</i>	<i>01 xe</i>	
4	Sở Thông tin và Truyền thông	Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gập cao phục vụ thông tin, truyền thông	01 xe	
5	Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội	Xe chuyên dùng phục vụ công tác phát thanh truyền hình	Tối đa 32 xe	
	<i>Trong đó:</i>	Xe 5-16 chỗ ngồi	27 xe	
		Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	
		Xe thu phát tín hiệu, truyền hình lưu động	04 xe	
6	Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường	Xe phục vụ thanh tra tài nguyên và môi trường	02 xe	
	<i>Trong đó:</i>	Xe 7 chỗ ngồi 2 cầu gập cao	01 xe	
		Xe bán tải	01 xe	
7	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hà Nội (Sở Khoa học và Công nghệ)	Xe 9 chỗ ngồi phục vụ kiểm tra kiểm định đo lường chất lượng	02 xe	
II.3	<i>Nhóm xe tải (Khoản 4 Điều 17)</i>			
1	Các cơ sở cai nghiện ma túy (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).	Xe tải	01 xe/đơn vị	
2	Các đơn vị nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao	Xe tải	01 xe/đơn vị	
3	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao (Sở Văn hóa và Thể thao).	Xe tải	01 xe	
4	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hà Nội (Sở Khoa học và Công nghệ)	Xe tải	01 xe	
II.4	<i>Nhóm xe bán tải (Khoản 5 Điều 17)</i>			
1	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (các Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật Hà Nội, các Trung tâm Chăm sóc và nuôi dưỡng người tâm thần, Làng trẻ em Birla Hà Nội, Trung tâm phục hồi chức năng Việt Hàn,	Xe bán tải	01 xe/đơn vị	

TT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
	Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội, các Cơ sở cai nghiện ma túy, Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội, các Trung tâm Điều dưỡng người có công, các Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công, Quỹ bảo trợ trẻ em Hà Nội, Trung tâm Kiểm định kỹ thuật An toàn Hà Nội)			
2	Văn phòng đăng ký đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường).	Xe bán tải	01 xe	
3	Trung tâm Văn hóa Thành phố (Sở Văn hóa và Thể thao).	Xe bán tải	02 xe	
4	Thanh tra Sở Văn hóa và Thể thao (Sở Văn hóa và Thể thao).	Xe bán tải	03 xe (01 xe/01 Đội Thanh tra)	
5	Ban duy tu các công trình hạ tầng giao thông thành phố Hà Nội (Sở Giao thông vận tải)	Xe bán tải	03 xe	
6	Trung tâm Quản lý giao thông công cộng TPHN (Sở Giao thông vận tải)	Xe bán tải	01 xe	
7	Thanh tra Sở Xây dựng	Xe bán tải	04 xe	
8	Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị (Sở Xây dựng)	Xe bán tải	02 xe	
9	Ban quản lý các công trình nhà ở và công sở (Sở Xây dựng)	Xe bán tải	01 xe	
10	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hà Nội (Sở Khoa học và Công nghệ)	Xe bán tải	01 xe	
11	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Xe bán tải	03 xe (Bình quân 10 quận, huyện, thị xã/01 xe)	
12	Chi cục Kiểm Lâm (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	Xe bán tải	15 xe (Văn phòng Chi cục Kiểm lâm 02 chiếc; Hạt kiểm lâm, Đội kiểm lâm cơ động và phòng chống cháy rừng tối đa 01 xe/01 Đội, Hạt)	
13	Trung tâm phát triển nông nghiệp (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	Xe bán tải	03 xe	
14	Ban quản lý rừng phòng hộ - đặc dụng (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).	Xe bán tải	02 xe	
15	Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Chi cục, đơn vị sự nghiệp còn lại trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xe bán tải	01 xe/đơn vị	
16	Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Xe bán tải	01 xe	
17	Trung tâm Hỗ trợ phát triển phụ nữ Hà Nội (Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội)	Xe bán tải	01 xe	
18	Báo Hà Nội Mới (Thành ủy Hà Nội).	Xe bán tải	02 xe	

10/

TT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại xe	Số lượng xe (tối đa)	Ghi chú
19	Báo Kinh tế và đô thị	Xe bán tải	01 xe	
20	Ban QLDA đầu tư xây dựng Công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Hà Nội, Ban QLDA đầu tư xây dựng Công trình giao thông thành phố Hà Nội, Ban QLDA đầu tư xây dựng Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội, Ban QLDA đầu tư xây dựng Công trình văn hóa xã hội thành phố Hà Nội, Ban QLDA đầu tư xây dựng Công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	Xe bán tải	02 xe/đơn vị	
21	Trung tâm Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp (Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất)	Xe bán tải	01 xe	
22	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị quận, huyện, thị xã.	Xe bán tải	01 xe/đơn vị	
23	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận, huyện, thị xã.	Xe bán tải	01 xe/đơn vị	
II.5	Nhóm xe ô tô trên 16 chỗ ngồi (Khoản 6 Điều 17)			
1	Các Trung tâm Điều dưỡng người có công, Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công (Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).	Xe trên 16 chỗ ngồi	02 xe/đơn vị	
2	Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội; các Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật; Làng trẻ em Birla Hà Nội; Trung tâm Phục hồi chức năng Việt Hàn; Trung tâm Nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội; Các cơ sở cai nghiện ma túy; Trung tâm chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam/dioxin thành phố Hà Nội; Các trường Trung cấp, Trung cấp nghề; Trung tâm Dịch vụ Việc làm Hà Nội; Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội Hà Nội; Làng trẻ em SOS Hà Nội; Trường PTDL Herman Gmeiner)	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	
3	Các đơn vị nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao; Trung tâm Văn hóa Thành phố (Sở Văn hóa và Thể thao):	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	
4	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu (Sở Giáo dục và Đào tạo)	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe	
5	Các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố, Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện, thị xã.	Xe trên 16 chỗ ngồi	01 xe/đơn vị	

Phụ lục 02: Mức giá tối đa mua xe ô tô chuyên dùng
(Kèm theo Quyết định số 11 /2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND Thành phố)

STT	Chủng loại xe	Mức giá tối đa
1.	Xe cứu thương	1.200 triệu đồng/xe
2.	Xe chở tiền	1.100 triệu đồng/xe
3.	Xe chở cốt, Xe gắn tọng Phật phục vụ tang lễ	1.100 triệu đồng/xe.
4.	Xe bán tải	800 triệu đồng/xe
5.	Xe tải đến 2,5 tấn	500 triệu đồng/xe
6.	Xe tải trên 2,5 đến 3,5 tấn	900 triệu đồng/xe
7.	Xe tải trên 3,5 tấn; Xe tải lạnh bảo quản thi hải	1.100 triệu đồng/xe
8.	Xe tải gắn cần cầu, xe cứu hộ giao thông	1.600 triệu đồng/xe
9.	Xe 5 chỗ ngồi	720 triệu đồng/xe
10.	Xe 7 - 16 chỗ ngồi	1.100 triệu đồng/xe
11.	Xe trên 16 đến 24 chỗ ngồi	1.600 triệu đồng/xe
12.	Xe trên 24 đến 30 chỗ ngồi	1.800 triệu đồng/xe
13.	Xe trên 30 đến 45 chỗ ngồi	2.500 triệu đồng/xe
14.	Xe xét nghiệm, kiểm nghiệm an toàn thực phẩm lưu động; Xe cứu thương có đặc điểm, đặc tính kỹ thuật, kết cấu và giá mua cao hơn xe cứu thương thông thường trang bị cho Trung tâm cấp cứu 115 Thành phố nhằm đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của Thành phố; Xe gắn thiết bị cân tải trọng; Xe thu phát tín hiệu, truyền hình lưu động; Xe tang.	UBND Thành phố quyết định giá mua xe tại thời điểm mua sắm sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố.

* **Ghi chú:** Giá mua xe ô tô nêu trên chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe.



12